

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22-8-2018.
V/v “Tranh chấp kiện ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và ông Đặng Văn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 22 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Lại Hồng P, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn 2, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn 6, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ủy ban nhân dân xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ trụ sở: Thôn 4, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Phú T; Chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Hồng M; Chức vụ: Cán bộ địa chính xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

2/ Anh Lại Văn H, sinh năm 1982.

3/ Chị Phạm Thị Thùy L, sinh năm 1982.

4/ Anh Lại Hồng L, sinh năm 1983.

5/ Chị Khổng Thị P, sinh năm 1983.

6/ Chị Lại Thị Thanh H, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

- *Phiên toà ngày 21/8/2018 có mặt ông P, bà T, anh H, chị L, anh L, chị P và chị H; Ông Lại Hồng M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*

- *Phiên toà ngày 22/8/2018 có mặt ông P và bà T; anh H, chị L, anh L, chị P và chị H vắng mặt không lý do; Ông Lại Hồng M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Ông Lại Hồng P và bà Hoàng Thị T bắt đầu sống chung với nhau vào năm 1980, việc sống chung là hoàn toàn tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, mặc dù được gia đình hai bên tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương.

- Quan điểm của ông Lại Hồng P: Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà T ghen tuông vô cớ, nghi ngờ ông ngoại tình nên đánh ghen không có cơ sở làm mất thể diện của ông trước mặt nhân dân. Ông có giải thích nhưng bà T làm ngơ rồi chửi bới xúc phạm danh dự của ông, bà T còn xúi giục con chửi và đánh ông, chính quyền địa phương cũng đã hòa giải cho ông bà nhưng không được. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với bà Hoàng Thị T.

- Quan điểm của bà Hoàng Thị T: Vợ chồng ông bà sống hạnh phúc đến năm 1987 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Ông P đi làm nhưng không đưa tiền cho bà để nuôi con. Mỗi lúc đi làm về hay đang ăn cơm ông P đều vô cớ chửi bới đánh đập bà. Gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải cho vợ chồng nhưng không được. Năm 2014 ông P đã chuyển ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì các con, các cháu nên bà xin được đoàn tụ.

Về con chung: Ông P và bà T cùng thống nhất: Vợ chồng có ba con chung là Lại Văn H, sinh năm 1982, Lại Hồng L, sinh năm 1983 và Lại Thị Thanh H, sinh năm 1987. Hiện nay cả ba con chung đều đã trưởng thành lao động tự lập được nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có.

* Về tài sản chung: Ông P và bà T cùng thống nhất có các tài sản chung như Tòa án đã xem xét thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá đã định giá tài sản ngày 06/4/2018. Cụ thể:

- Về đất: Quyền sử dụng 487m² đất tại thửa đất số 43 tờ bản đồ số PL8 (Trong đó: Đất thổ cư là 300m², đất vườn là 187m²) đã được UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 958990 (Số vào sổ cấp GCN: CH03847) ngày 05/8/2014 mang tên hộ bà Hoàng Thị T; địa chỉ thửa đất: Thôn 6, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

+ 300m² đất thổ cư = 600.000.000đ.

+ 187m² đất vườn = 13.090.000đ.

Trong đó phần diện tích đất bà T đang quản lý, sử dụng là 312m² (Gồm: Đất thổ cư là 300m², đất vườn là 12m²); Phần diện tích đất mà vợ chồng anh H, chị L đang quản lý, sử dụng là 175m² đất vườn.

- Tài sản trên phần đất 312m² mà bà T đang quản lý, sử dụng gồm: 01 căn nhà mái bằng xây năm 1990; 01 căn nhà mái bằng hai tầng xây năm 2002; 01 khu vệ sinh mái bằng; 01 khu mái tôn vì kèo đòn tay thép xây năm 2014; 01 khu nhà kho mái lợp Proximăng; 01 bể nước ăn xây gạch đỏ; 01 khu chăn nuôi mái Proximăng; Khu mái tôn trước nhà; 01 quán bán hàng nước và tạp hóa; 54,5m² sân lát xi măng; 2,1m³ tường diều xây gạch đỏ; 9m³ hàng rào xây gạch xi quanh nhà; 01 cổng sắt; 02 trụ cổng; 01 cây sấu to; 01 cây xoài; 01 cây hồng xiêm; 10 cây sấu nhỏ; 10 cây cau đã có quả. Tổng giá trị là: 245.277.000đ.

- Các đương sự đều thống nhất: Phần diện tích đất vợ chồng anh H chị L đang sử dụng (175m² đất vườn) vợ chồng ông P bà T đã cắt cho vợ chồng anh H, chị L và phần tài sản trên diện tích đất này là của vợ chồng anh H, chị L nên các đương sự không đề nghị giải quyết, phân chia phần diện tích 175m² đất và tài sản trên đất này nữa. Phần diện tích đất còn lại là 312m² (Trong đó: Đất thổ cư là 300m², đất vườn là 12m²) mà bà T đang quản lý là tài sản chung của vợ chồng ông P và bà T.

- Quan điểm của ông Lại Hồng P: Phần diện tích đất là 312m² và tài sản trên đất mà bà T đang quản lý, sử dụng là tài sản chung của vợ chồng ông nên ông đề nghị chia đôi, ông xin sử dụng bằng hiện vật là đất.

- Quan điểm của bà Hoàng Thị T: Phần diện tích đất 312m² và tài sản trên đất mà bà đang quản lý, sử dụng là tài sản chung của vợ chồng bà. Nếu ly hôn bà xin sử dụng toàn bộ bằng hiện vật và thanh toán cho ông P 100.000.000đ.

- Quan điểm của anh Lại Văn H, chị Phạm Thị Thùy L, anh Lại Hồng L, chị Khổng Thị P, chị Lại Thị Thanh H: Anh chị không yêu cầu giải quyết về phần công sức đóng góp của anh chị vào việc hình thành, tôn tạo, sửa chữa tài sản chung của ông P, bà T.

- Quan điểm của đại diện UBND xã P: Việc giải quyết đơn của công dân liên quan đến việc phân chia tài sản khi ly hôn, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với phần diện tích đất BHK (UB) = 124m², UBND xã P đề nghị tách riêng trả lại cho UBND xã P quản lý theo quy định về quỹ đất công, đất công ích.

* Về công nợ chung: Ông P và bà T đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

* **Tại phiên toà hôm nay:**

- Ông Lại Hồng P có quan điểm: Về hôn nhân, ông xin ly hôn với bà T; Về tài sản chung ông xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản và không đề nghị Tòa án giải quyết; Về công nợ chung ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản và án phí ly hôn sơ thẩm: ông P tự nguyện xin chịu toàn bộ.

- Bà Hoàng Thị T có quan điểm: Về hôn nhân, bà cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà nhất trí ly hôn với ông P; Về tài sản chung bà cũng nhất trí việc xin rút yêu cầu giải quyết; Về công nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh H, chị L, anh L, chị P, chị H có quan điểm: Phần công sức đóng góp của anh chị vào tài sản chung của bố mẹ nay các anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và các anh chị cũng không có yêu cầu gì.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H, chị L, anh L, chị P, chị H chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/7/2018 và tại phiên tòa ngày 01/8/2018 vắng mặt không lý do; Phiên tòa ngày 22/8/2018 anh H, chị L, anh L, chị P, chị H vắng mặt không lý do. Vì vậy đã không thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 54, 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông P với bà T. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lại Hồng P và bà Hoàng Thị T.

2/ Về con chung, con nuôi, con riêng: Ông P và bà T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

3/ Về tài sản chung: Tại phiên tòa, ông P và bà T xin rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về tài sản chung, đề nghị HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tài sản đã rút.

4/ Về công nợ chung: Ông P và bà T đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không xem xét.

5/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông P phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000đ.

6/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông P và bà T phải nộp theo quy định của pháp luật.

7/ Án phí chia tài sản: Trả lại ông P số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

* Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của ông Lại Hồng P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về tố tụng: Ông Lại Hồng M là đại diện theo ủy quyền của UBND xã P trong vụ kiện đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt ông Lại Hồng M tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung:

[1] Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Lại Hồng P và bà Hoàng Thị T, HĐXX thấy:

Ông Lại Hồng P và bà Hoàng Thị T chính thức sống chung với nhau từ năm 1980 và ông bà đã có với nhau ba người con chung. Tuy nhiên ông bà lại không thực hiện trình tự thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, thì quan hệ vợ chồng giữa ông P và bà T được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn. Do đó

pháp luật vẫn công nhận ông P và bà T là vợ chồng nên cuộc hôn nhân của ông P và bà T được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lại Hồng P, HĐXX thấy:

Sau kết hôn, vợ chồng ông P và bà T đã có một thời gian dài chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có ba con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn mà hai bên đưa ra không hoàn toàn giống nhau, nhưng việc vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay là có thật được ông bà công khai thừa nhận. Quá trình sống ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và HĐXX đã phân tích, khuyên bảo vợ chồng ông bà về đoàn tụ, nhưng ông P vẫn cương quyết xin được ly hôn với bà T và tại phiên tòa bà T cũng đồng ý ly hôn với ông P. Điều này càng khẳng định ông bà không còn tình cảm với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa ông P và bà T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 03 con chung là Lại Văn H, sinh năm 1982, Lại Hồng L, sinh năm 1983 và Lại Thị Thanh H, sinh năm 1987. Hiện nay cả ba con chung đã trưởng thành, lao động tự lập được nên ông P và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không xem xét.

[4] Con nuôi, con riêng vợ chồng thống nhất không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, ông P và T cùng nhất trí rút toàn bộ yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận yêu cầu này và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung.

[6] Về công nợ chung: Ông P và bà T cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Đối với quan điểm của UBND xã P về xử lý phần diện tích 124 đất UB, HĐXX thấy: Tại phiên tòa, ông P, bà T xin rút yêu cầu giải quyết về phần tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản (trong đó có đất). Mặt khác, trong quá trình thu thập chứng cứ UBND xã P cũng không có yêu cầu độc lập. Do đó, căn cứ vào Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX không chấp nhận quan điểm này. Nếu UBND xã P có yêu cầu giải quyết đối với phần diện tích đất này thì HĐXX sẽ dành quyền khởi kiện cho UBND xã P ở một vụ kiện khác. Do đó, HĐXX không xem xét, giải quyết phần diện tích 124m² đất UB trong vụ án này.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 3.000.000 đồng. Chi phí này do ông P nộp tạm ứng toàn bộ, nay ông P phải chịu toàn bộ.

[9] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Ông P tự nguyện xin nộp toàn bộ là 300.000đ.

- Trả lại ông Lại Hồng P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí chia tài sản mà ông Phong đã nộp.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Các Điều 143; 144; 147; 157; 165; 201; 244; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các điều 54, 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lại Hồng P và bà Hoàng Thị T.

2/ Về con chung, con nuôi, con riêng: Ông P và bà T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3/ Về tài sản chung:

- Chấp nhận một phần rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung của ông Lại Hồng P và bà Hoàng Thị T. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng ông Lại Hồng P và bà Hoàng Thị T.

- Hậu quả của việc đình chỉ:

+ Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại việc chia tài sản chung này theo thủ tục chung, nếu thời hiệu khởi kiện chia tài sản chung theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn còn, mặc dù việc khởi kiện chia tài sản chung sau không có gì khác trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

+ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.000.000đ. Chi phí này ông Lại Hồng P chịu toàn bộ. Số tiền này ông P đã nộp đủ.

+ Về án phí chia tài sản chung: Trả lại ông Lại Hồng P số tiền 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) mà ông P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000850 ngày 05/01/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

4/ Về công nợ chung: Ông P và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5/ Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

6/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Lại Hồng P và bà Hoàng Thị T mỗi người phải nộp 150.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Lại Hồng P nộp toàn bộ án phí

ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Ông P được đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000850 ngày 05/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Ông P đã nộp đủ.

7/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, ông P, bà T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh H, chị L, anh L, chị P, chị H và ông Lại Hồng M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND xã P, TP P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Duy